

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05-6-2026

V/v “*Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Duyệt và bà Hầu Tuyết Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa:**
Ông Lã Chúc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cừ Thị C, sinh năm 19xx. Số căn cước công dân 010193000xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng 4 năm 20xx.

Bị đơn: Anh Giàng A P, sinh năm 19xx. Số căn cước công dân 010090006xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15 tháng 8 năm 20xx.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Hàm Rồng 1, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Cừ Thị C, bản tự khai của anh Giàng A P trình bày:

Năm 2010, chị Cừ Thị C và anh Giàng A P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng tại tổ dân phố H, phường S, tỉnh Lào Cai, nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã không sống chung từ năm 2021, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Cừ Thị C nhận thấy việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là không đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Giàng A P. Anh Giàng A P cũng nhất trí với yêu cầu này.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx và cháu Giàng Thu H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 20xx. Anh chị thống nhất giao cả hai cháu cho anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị Cù Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Anh Giàng A P và chị Cù Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cù Thị C như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Cù Thị C và anh Giàng A P là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Giàng Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx và cháu Giàng Thu H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 20xx cho anh Giàng A P quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Cù thị Chứ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tuyên quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cù Thị C khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con với anh Giàng A P, có địa chỉ tại tổ dân phố H, phường S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về việc thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực. Xác định quan hệ pháp luật giải quyết là *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai. Anh Giàng A P và chị Cù Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A P và chị Cự Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo xác nhận ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai, anh chị có chung sống với nhau như vợ chồng tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ giữa anh Giàng A P và chị Cự Thị C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cự Thị C, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cự Thị C và anh Giàng A P.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Cự Thị C và anh Giàng A P có 02 con chung là cháu Giàng Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx và cháu Giàng Thu H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 20xx.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Giàng A P và chị Cự Thị C thống nhất giao cả hai cháu cho anh Giàng A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cự Thị C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thống nhất chị Cự Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Giàng A P và chị Cự Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cự Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thành lập tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cự Thị C như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng, giữa chị Cự Thị C và anh Giàng A P.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Giàng Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx, cháu Giàng Thu H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 20xx cho anh Giàng A P

quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Cù Thị C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Cù Thị C phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Cù Thị C đã nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001724 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận, chị Cù Thị C phải nộp đủ số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà